

Số: /2024/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO
Ngày 18/01/2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

“b) Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Phụ lục XI và theo khoản 1, khoản 3, khoản 4 Phần V Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Trước khi nhập khẩu sản phẩm động vật chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này tới Cục Thú y (đối với bột thịt xương, Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu sử dụng Mẫu 20 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 19 như sau:

“b) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu có giá trị sử dụng không quá 60 ngày; thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu có giá trị sử dụng không quá 180 ngày;”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số Phụ lục, biểu mẫu của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2018/TT-

BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Thay thế các mẫu sau: Mẫu 2, Mẫu 3, Mẫu 13a, Mẫu 13b, Mẫu 14a, Mẫu 14b, Mẫu 15a, Mẫu 16a, Mẫu 16b, Mẫu 17, Mẫu 18, Mẫu 19, Mẫu 20 Phụ lục V bằng các mẫu sau: Mẫu 2, Mẫu 3, Mẫu 13a, Mẫu 13b, Mẫu 14a, Mẫu 14b, Mẫu 15a, Mẫu 16a, Mẫu 16b, Mẫu 17, Mẫu 18, Mẫu 19, Mẫu 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bãi bỏ số thứ tự 20a và bãi bỏ Mẫu 20a tại Phụ lục V.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Phần II Phụ lục XII như sau:

“c) Tác nhân gây bệnh:

Loại sản phẩm		Kiểm tra tác nhân gây bệnh
I. Nhóm nguy cơ cao	1. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của trâu, bò, dê, cừu.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm; <i>Salmonella</i> spp., <i>E.coli</i>
	2. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi; <i>Salmonella</i> spp., <i>E.coli</i>
	3. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của gia cầm, chim.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xon; <i>Salmonella</i> spp., <i>E.coli</i>
	4. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của các loài động vật khác không thuộc quy định tại điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ cao.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
	5. Sữa tươi nguyên liệu.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm
	6. Trứng gia cầm tươi.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xon; <i>Salmonella</i> spp.
	7. Tổ yến chưa chế biến.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xon, Nitrite
II. Nhóm nguy cơ	1. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của trâu, bò, dê, cừu.	Lở mồm long móng
	2. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi
	3. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm	Cúm gia cầm thể độc

Loại sản phẩm		Kiểm tra tác nhân gây bệnh
thấp	thịt chế biến của gia cầm, chim.	lực cao, Niu-cát-xon
	4. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của các loài động vật khác không thuộc quy định tại điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ thấp.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
	5. Sữa và sản phẩm sữa chế biến.	<i>Salmonella</i> spp.
	6. Trứng và sản phẩm trứng chế biến.	<i>Salmonella</i> spp.

Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 trong cùng 01 (một) năm; lấy mẫu, xét nghiệm tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế.

Căn cứ thực trạng hàng hóa, tình hình dịch bệnh động vật của nước xuất khẩu để kiểm tra tác nhân gây bệnh theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”

4. Thay thế cụm từ “Kiểm tra ADN loài nhai lại đối với nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản/thức ăn thành phẩm có chứa sản phẩm động vật từ các nước có nguy cơ bệnh Bò điên hoặc khi có yêu cầu giám định;” tại điểm c khoản 2 Phần II Phụ lục XII bằng cụm từ “Căn cứ tình hình bệnh Bò điên của nước xuất khẩu theo các Nghị quyết của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH/OIE), Cục Thú y quyết định việc kiểm tra ADN loài nhai lại đối với bột nguyên liệu để sản xuất thức ăn cho động vật;”.

5. Bổ sung Phụ lục XIV “QUY TRÌNH KIỂM TRA, LẤY MẪU KIỂM DỊCH LÔ HÀNG SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN” ban hành kèm theo Thông tư này vào sau Phụ lục XIII.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.
2. Quy định chuyển tiếp: Đối với các hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

3. Thông tư này bãi bỏ:

a) Khoản 1a Điều 1, khoản 2a Điều 1, Điều 9a Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

b) Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Thú y) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Công báo Chính phủ, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Công thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Sở NN& PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị trực thuộc Cục Thú y;
- Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh;
- Lưu: VT, TY.

BỘ TRƯỞNG

Lê Minh Hoan

Phụ lục

**THAY THẾ, BỔ SUNG MỘT SỐ PHỤ LỤC
CỦA THÔNG TƯ SỐ 25/2016/TT-BNNPTNT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Các Mẫu 2, Mẫu 3, Mẫu 13a, Mẫu 13b, Mẫu 14a, Mẫu 14b, Mẫu 15a, Mẫu 16a, Mẫu 16b, Mẫu 17, Mẫu 18, Mẫu 19, Mẫu 20 Phụ lục V
2. Phụ lục XIV quy trình kiểm tra, lấy mẫu kiểm dịch lô hàng sản phẩm động vật trên cạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Số:/ĐK-KDXK

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....Cấp ngày
...../...../..... tại

Điện thoại:Fax:Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Mã số HS ⁽¹⁾	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
				Đực	Cái	
Tổng số						

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:
theo Quyết định số/.....ngày...../...../.....của (2)(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

3/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

4/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

5/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (*loại vắc xin, nơi sản xuất*):

1/tiêm phòng ngày...../...../.....

2/tiêm phòng ngày...../...../.....

3/tiêm phòng ngày...../...../.....

4/tiêm phòng ngày...../...../.....

5/tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Mã số HS ⁽¹⁾	Quy cách đóng gói	Số lượng ⁽³⁾	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số					

Tổng số (*viết bằng chữ*):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....của(4)..... (*nếu có*).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Điện thoại:Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

Cửa khẩu xuất:

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất:Phương tiện vận chuyển:.....

Nước nhập khẩu:Nước quá cảnh (*nếu có*):

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển:

.....

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm:

.....

.....

Địa điểm cách ly kiểm dịch:

Thời gian tiến hành kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồigiờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày/...../.....

Đăng ký tại.....

Ngàythángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Áp dụng theo quy định tại thời điểm khai báo, quy định hiện hành là mã 8 số
- (2) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (3) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (4) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)

Số:/ĐK-KD

Kính gửi:(**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:FaxE-mail

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***) :(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh
lãnh thổ,...)

1. Tên hàng:

Mã số HS (áp dụng theo quy định tại thời điểm khai báo, quy định hiện hành là mã 8 số)

2. Nơi sản xuất:

3. Số lượng:

4. Trọng lượng tịnh:

5. Trọng lượng cả bì:

6. Loại bao bì:

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):.....

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

9. Nước xuất khẩu:

10. Cửa khẩu xuất:

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

12. Nước nhập khẩu:

13. Phương tiện vận chuyển:

14. Cửa khẩu nhập:

15. Mục đích sử dụng:

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y (nếu có):

17. Địa điểm kiểm dịch:

18. Thời gian kiểm dịch:

19. Địa điểm giám sát (nếu có):

20. Thời gian giám sát:

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm.....

.....(**)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN:
(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do

.....

.....

....., ngày tháng năm.....

CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đơn khai báo được làm thành 03 bản;

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân, ngày tháng và nơi cấp.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số:/CN-KĐĐVXX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

.....

Tel: Fax: Email:

Nơi xuất phát của động vật:

Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu Official mark	Giống Breed	Tính biệt Sex	Tuổi Age

Tổng số:

Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: Phương tiện vận chuyển:

Country of destination: Means of transport:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:

Name and address of consignee:

.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

Satisfies / satisfy the following requirements:

.....
.....
.....

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Valid up to

Giấy này làm tại ngày/..../....
Issued at on

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS

Số:/CN-KDSPĐVXX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

.....

Tel: Fax: Email:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:

Name and address of consignee:

.....

Loại sản phẩm:

Type of products:

Quy cách đóng gói:

Type of package:

Số kiện hàng: Khối lượng:

Number of package:

Net weight:

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng:

Name and address of the processing establishment:

.....

Tel: Fax:

Phương tiện vận chuyển:

Means of transport:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Valid up to

Bác sĩ thú y (*Ký, ghi rõ họ tên*)
Veterinarian (*Signature, full name*)

Giấy này làm tại ngày/..../....
Issued at *on*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)
DIRECTOR (*Signature, stamp, full name*)

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VỀ NƠI CÁCH LY
KIỂM DỊCH**

Số:/CN-ĐVCLKD

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân¹:.....Cấp ngày
...../...../..... tại

Điện thoại:Fax:Email:

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Nước xuất khẩu:Nước quá cảnh (nếu có).....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:Thời gian nhập: ngày...../...../.....

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

¹ Cụm từ “Chứng minh nhân dân số” được thay thế bởi cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân” theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

Phương tiện vận chuyển: Biên kiểm soát:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Số động vật trên khỏe mạnh và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.
3. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số động vật trên phải được chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày/...../.... để nuôi cách ly kiểm dịch tại địa điểm:
.....
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
.....
3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển.
4. Chỉ được phép đưa động vật về nơi cách ly kiểm dịch tại địa điểm nêu trên và đúng thời gian quy định để nuôi cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VỀ
NƠI CÁCH LY KIỂM DỊCH**

Số:/CN-SPĐVCLKD

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân²:.....Cấp ngày
...../...../..... tại

Điện thoại:Fax:Email:

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (l)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Nước xuất khẩu:Nước quá cảnh (nếu có).....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:Thời gian nhập:/...../.....

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

² Cụm từ “Chứng minh nhân dân số” được thay thế bởi cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân” theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

Phương tiện vận chuyển: Biên kiểm soát:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Sản phẩm động vật bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Số động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số sản phẩm động vật trên phải được chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày/...../..... để kiểm dịch tại địa điểm:
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
3. Nghiêm cấm vớt sản phẩm động vật, chất thải, bao bì chứa đựng trong quá trình vận chuyển.
4. Chỉ được phép đưa sản phẩm động vật về nơi cách ly kiểm dịch nêu trên và đúng thời gian quy định để cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KDDVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân³:Cấp ngày
...../...../..... tại

Điện thoại:Fax:Email:

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có)

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

³ Cụm từ “Chứng minh nhân dân số” được thay thế bởi cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân” theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.
3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:
 - a/Tiêm phòng ngày/...../.....
 - b/Tiêm phòng ngày/...../.....
 - c/Tiêm phòng ngày/...../.....
4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ.....

Giấy có giá trị đến:

...../...../.....

Cấp tại, ngày/..../....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 16a

Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA
KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of
animal through Viet Nam*

Số:/CN-KDDVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

.....

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representavite:

.....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

.....

Cửa khẩu nhập:..... Cửa khẩu xuất:

Declared point of entry:

Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ/...../..... đến/...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu <i>Official mark</i>	Giống <i>Breed</i>	Tính biệt <i>Sex</i>	Tuổi <i>Age</i>

Tổng số:

Total:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;

The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Accopanying bedding, waste and tools have been treated in accodance with regulation;

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:

Allowed itinerary:

.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and dead carcasses during the transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;

Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Valid up to

Bác sỹ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tạingày/..../....
Issued at *on*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NỘI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y (*Ký, ghi rõ họ tên*)
Veterinarian (*Signature, full name*)

....., ngày / /
Issued at: Date of issue:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (*Signature, stamp, full name*)

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT,
CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**
*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of
animal product through Viet Nam*

Số:/CN-KDSPĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

Loại sản phẩm:

Type of products:

Quy cách đóng gói:

Type of package:

Số kiện hàng:..... Khối lượng:

Number of package

Net weight:

Cửa khẩu nhập:..... Cửa khẩu xuất:

Declared point of entry:

Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ/...../..... đến/...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement

3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:

Allowed itinerary:

.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited

3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:

...../...../.....

Valid up to

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại ngày

...../...../.....

Issued at

on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

....., ngày/...../.....

Issued at:

Date of issue:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tel:

Fax:

Email:

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH**Kính gửi: Cục Thú y**

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch lô hàng sau theo hình thức ⁽¹⁾:

Tạm nhập tái xuất Tạm xuất tái nhập Chuyển cửa khẩu Quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

STT	Tên hàng	Mã số HS ⁽²⁾	Số lượng ⁽³⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập	Cửa khẩu xuất
	Tổng số					

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

- Tên Công ty tiếp nhận:

Địa chỉ:

- Thời gian thực hiện:

- Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam:

- Lộ trình trên lãnh thổ Việt Nam:

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY.....

Giám đốc*(Ký tên, đóng dấu)**(1): Đề nghị chỉ đánh dấu 01 hình thức kiểm dịch nêu trên.**(2): Áp dụng theo quy định tại thời điểm khai báo, quy định hiện hành là mã 8 số**(3): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.*

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tel:

Fax:

Email:

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH XUẤT/NHẬP KHO NGOẠI QUAN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty đề nghị Cục Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Mã số HS ⁽¹⁾	Số lượng ⁽²⁾	Đơn vị tính	Nước xuất xứ
Tổng số					

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

.....

- Cửa khẩu nhập:

- Tên, địa chỉ kho ngoại quan:

Giấy phép sốngày//....., thời hạn:hoặc Hợp đồng thuê kho ngoại quan số:ngày//....., thời hạn:.....

- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan:

- Thời gian thực hiện:

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Áp dụng theo quy định tại thời điểm khai báo, quy định hiện hành là mã 8 số

(2): Số lượng hàng có thể dự trữ để thực hiện trong 03 tháng.

CÔNG TY.....
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng:

I. ĐỘNG VẬT

STT	Loại động vật	Mã số HS ⁽¹⁾	Số lượng (con) ⁽²⁾		Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
			Đực	Cái		
	Tổng số					

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

- Tên trang trại:.....

Địa chỉ:.....

- Thời gian thực hiện:

- Mục đích sử dụng:

- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:.....

.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

STT	Tên hàng	Mã số HS⁽¹⁾	Số lượng⁽²⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số				

- Từ Công ty:

.....

Địa chỉ:

.....

.....

- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:

.....

Địa chỉ:

.....

.....

- Thời gian thực hiện:

- Mục đích sử dụng:

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Áp dụng theo quy định tại thời điểm khai báo, quy định hiện hành là mã 8 số

(2): Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

CÔNG TY **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU BỘT THỊT XƯƠNG

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng bột thịt xương:

STT	Tên hàng	Mã số HS ⁽¹⁾	Số lượng ⁽²⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số				

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:

Địa chỉ:

- Thời gian thực hiện:

- Mục đích sử dụng: chế biến thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

- Địa điểm nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi:

Chúng tôi cam kết chỉ sử dụng bột thịt xương nhập khẩu của Công ty để sản xuất thức ăn cho loại động vật nêu trên tại Nhà máy nêu trên; không sử dụng bột thịt xương để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Áp dụng theo quy định tại thời điểm khai báo, quy định hiện hành là mã 8 số

(2): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

Phụ lục XIV

QUY TRÌNH KIỂM TRA, LẤY MẪU KIỂM DỊCH LÔ HÀNG SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠM

I. PHẦN CHUNG

1. Giải thích từ ngữ

- **Đơn vị bao gói:** Là dạng bao gói độc lập dưới dạng bao, kiện, thùng, hộp, chai, lọ, ... lặp lại trong một lô hàng.

- **Mẫu:** Là một phần đại diện cho một lô hàng.

- **Lấy mẫu:** Là các thao tác kỹ thuật được tiến hành trên cơ sở áp dụng những nguyên tắc, thủ tục, điều kiện kỹ thuật theo quy định để thu thập mẫu đại diện cho lô hàng, thể hiện thực trạng của lô hàng.

- **Mẫu đơn (mẫu ban đầu):** Là một lượng sản phẩm hoặc đơn vị bao gói được lấy riêng lẻ một cách ngẫu nhiên hoặc có chủ đích, cùng thời điểm tại một vị trí của lô hàng

- **Mẫu gộp (mẫu chung):** Bao gồm những mẫu đơn từ cùng một lô hàng được trộn đều với nhau, từ đó có thể thu được đặc tính đại diện cho lô hàng.

- **Mẫu phân tích (mẫu xét nghiệm):** Là một phần của mẫu gộp dùng để đánh giá chất lượng của một lô hàng xác định.

- **Mẫu lưu:** Là mẫu lấy ra từ mẫu gộp, có cùng đặc tính của mẫu xét nghiệm được bảo quản trong điều kiện theo khuyến cáo của nhà sản xuất hoặc không làm thay đổi đặc tính ban đầu của mẫu, dùng để xét nghiệm đối chứng khi cần thiết.

- **Mẫu trung bình:** Là một phần sản phẩm của mẫu chung hoặc một số đơn vị bao gói lấy ra từ mẫu chung.

2. Nguyên tắc chung

- Trước khi lấy mẫu phải kiểm tra hồ sơ liên quan đến lô hàng; thực trạng hàng hoá, nếu đạt yêu cầu thì tiến hành lấy mẫu.

- Để mẫu phản ánh đúng tình trạng chung của lô hàng, cần đảm bảo tính đồng nhất của lô hàng.

- Việc lấy mẫu phải bảo đảm khoa học, nhanh chóng, thuận tiện; trình tự thực hiện công khai, minh bạch; bảo đảm tính ngẫu nhiên tại các vị trí khác nhau đại diện cho lô hàng.

- Tùy mục đích kiểm tra, mẫu phải được lấy ở nơi đảm bảo các yêu cầu, điều kiện lấy mẫu. Trường hợp địa điểm lấy mẫu không đáp ứng các yêu cầu theo quy định thì thực hiện lấy mẫu thứ cấp. Sau khi lấy đủ mẫu, trả lại chủ hàng lượng sản phẩm còn lại.

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Chuẩn bị

- Trước khi tiến hành lấy mẫu phải thống nhất thời điểm tiến hành kiểm tra, lấy mẫu với chủ hàng hoặc người đại diện.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu liên quan, dụng cụ, trang thiết bị lấy mẫu và bảo quản mẫu phù hợp.

2. Kiểm tra thực tế

2.1. Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa đựng hàng hóa, niêm phong.

2.2. Kiểm tra thực trạng lô hàng: điều kiện bảo quản, quy cách bao gói, ngoại quan của sản phẩm, chủng loại, nhãn sản phẩm, thông tin chi tiết của lô hàng phải phù hợp với hồ sơ.

Mỗi mặt hàng tiến hành kiểm tra tối thiểu tại 5 vị trí hoặc đơn vị bao gói ngẫu nhiên ở các điểm khác nhau của lô hàng. Trường hợp lô hàng có nhiều mặt hàng thì tiến hành kiểm tra và lấy mẫu tối đa 03 mặt hàng có số lượng/khối lượng lớn nhất.

Đối với lô hàng có nhiều container, toa xe: người lấy mẫu chỉ định ngẫu nhiên và tiến hành kiểm tra từ 02 đến 04 container, toa xe. Trường hợp nghi ngờ có thể tiến hành kiểm tra toàn bộ lô hàng (không áp dụng đối với các lô hàng phải giám định ADN).

Xử lý kết quả: kiểm tra thực trạng hàng hóa, nếu đạt yêu cầu thì lấy mẫu kiểm tra đối tượng kiểm dịch, trường hợp không đạt yêu cầu thì xử lý theo quy định.

3. Lấy mẫu

3.1. Số lượng, khối lượng mẫu

3.1.1. Số lượng mẫu để kiểm tra mầm bệnh theo quy định tại Phần IV và Phần V Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3.1.2. Số lượng mẫu để kiểm tra ADN, việc lấy mẫu như sau:

- Từ 01 đến 05 container: lấy 01 mẫu

- Từ 06 đến 10 container: lấy 02 mẫu

- Từ container thứ 10, nếu số lượng container tăng thêm từ 01 đến 05 container thì kiểm tra thêm 01 mẫu

Trường hợp lô hàng chứa đựng trong hầm, toa tàu: nếu số lượng ≤ 200 tấn lấy 01 mẫu; từ 200 đến 500 tấn lấy 02 mẫu; trên 500 tấn lấy 03 mẫu.

3.1.3. Khối lượng mẫu phân tích, mẫu lưu: tối thiểu phải đảm bảo đủ để phân tích các chỉ tiêu theo quy định và theo phương pháp phân tích của phòng thử nghiệm. Trường hợp phải gửi mẫu cho nhiều phòng thử nghiệm thì khối lượng được lấy thêm tương ứng. Khối lượng mẫu trung bình hoặc mẫu ban đầu (trường hợp mẫu ban đầu tương đương là mẫu trung bình) từ 500 – 1000g (không bao gồm xương).

3.2. Lấy mẫu phân tích

3.2.1. Lấy mẫu ban đầu

a) Với lô hàng bao gói

- Lô hàng được đóng trong các bao gói thùng, kiện, hộp, túi,...: mẫu ban đầu được lấy tại ít nhất 01 đơn vị bao gói nhưng không quá ở 05 đơn vị bao gói bằng cách chọn ngẫu nhiên các sản phẩm từ các bao gói được chọn trừ trường hợp đơn vị bao gói nhỏ thì phải lấy thêm để bảo đảm đủ khối lượng xét nghiệm theo phương pháp.

- Sản phẩm dạng lỏng, sệt: mẫu đơn được lấy tại ít nhất 03 vị trí ở các độ sâu khác nhau trong đơn vị bao gói.

b) Với lô hàng rời (chứa trong các toa xe, container, hầm tàu,...): lấy mẫu ban đầu ở ít nhất 03 vị trí khác nhau của lô hàng.

3.2.2. Lập mẫu chung

Gộp tất cả các mẫu ban đầu đã lấy được để lập mẫu chung, đại diện cho lô hàng.

3.2.3. Lập mẫu trung bình

a) Sản phẩm dạng lỏng, sệt: trộn kỹ mẫu chung và rút ra một lượng để lập mẫu trung bình;

b) Sản phẩm dạng sợi, mảnh, viên nhỏ có thể phân mẫu theo nguyên tắc ngẫu nhiên;

c) Các sản phẩm lớn có thể rút theo nguyên tắc ngẫu nhiên (cắt nhỏ nếu cần thiết);

d) Sản phẩm dạng bao gói sẵn: có thể trộn đều các bao gói, sau đó rút ngẫu nhiên các sản phẩm;

đ) Khối lượng mẫu trung bình đảm bảo đủ để phân tích các chỉ tiêu và lưu mẫu.

3.2.4. Lập mẫu phân tích

Từ mẫu trung bình chia thành 2 phần tương ứng, 1 phần là mẫu phân tích, một phần là mẫu lưu có số lượng/khối lượng mẫu như nhau. Khối lượng mẫu được lấy đảm bảo đủ để xét nghiệm các chỉ tiêu và lưu mẫu theo phương pháp xét nghiệm tương ứng. Trường hợp cần gửi nhiều phòng thử nghiệm có thể chia phần mẫu phân tích nhiều hơn. Nếu phương pháp xét nghiệm cần khối lượng mẫu nhỏ, sau khi lập mẫu xét nghiệm bảo đảm đại diện cho lô hàng thì phần mẫu thừa trả lại chủ hàng.

3.2.5. Ghi nhãn, bao gói, niêm phong, bảo quản, vận chuyển mẫu

a) Mẫu phải được bao gói, niêm phong, ghi nhãn bảo đảm tính bảo mật và không bị nhầm lẫn;

b) Bảo quản mẫu: mẫu được bảo quản theo điều kiện phù hợp với từng

dạng sản phẩm như nguyên trạng ban đầu.

3.2.6. Biên bản lấy mẫu

Biên bản lấy mẫu được lập theo mẫu 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, được lập ngay sau khi lấy mẫu dưới sự chứng kiến và ký xác nhận của chủ hàng và các bên liên quan.

Các thông tin trong Biên bản lấy mẫu phải được ghi đầy đủ, chính xác, phản ánh trung thực tình trạng lô hàng như bao gói, bảo quản, ngày sản xuất, hạn sử dụng, ký hiệu phương tiện vận chuyển, chứa đựng, số niêm phong.

3.2.7. Vận chuyển, gửi mẫu

a) Mẫu phải được vận chuyển đến phòng thử nghiệm càng nhanh càng tốt bằng phương tiện vận chuyển bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng mẫu;

b) Mẫu gửi phòng thử nghiệm phải được mã hoá. Dụng cụ chứa đựng mẫu gửi đến phòng thử nghiệm phải được làm kín và bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng, nhiệt độ ảnh hưởng đến chất lượng mẫu.

3.2.8. Lưu mẫu, huỷ mẫu

Mẫu lưu được bảo quản ở điều kiện thích hợp với từng loại sản phẩm **trong thời gian 30 ngày**. Khối lượng mẫu lưu phù hợp với phương pháp thử nghiệm.

Hết thời gian lưu, mẫu lưu phải được huỷ theo quy định của pháp luật.

3.2.9. Trả mẫu

Việc trả mẫu thừa được thực hiện sau khi có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu (Mẫu biên bản trả lại mẫu thừa ban hành kèm theo Phụ lục XIV này).

- Trường hợp không thể lấy mẫu tại hiện trường mà phải đưa các đơn vị mẫu đơn về nơi đủ điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa để lấy mẫu thì sau khi lấy mẫu, lập biên bản trả lại mẫu thừa cho chủ hàng.

- Trường hợp phương pháp xét nghiệm cần khối lượng mẫu nhỏ, sau khi lập mẫu xét nghiệm bảo đảm đại diện cho lô hàng thì phần mẫu thừa trả lại chủ hàng.

Mẫu biên bản trả lại mẫu thừa**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN TRẢ LẠI MẪU THỪA**

Số:/BB-TLMT

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày.....tháng.....năm 20...

Tại địa điểm:

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông/bà:Chức vụ: Kiểm dịch viên động vật.

Đại diện cơ quan kiểm dịch động vật:

2/ Ông bà: là chủ hàng (hoặc người đại diện)

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Chúng tôi cùng thống nhất và giao nhận lại số mẫu thừa sau khi đã lấy mẫu của lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm như sau:

STT	Tên mẫu	ĐVT	Khối lượng mẫu trả lại	Ghi chú
Tổng số				

Biên bản này được lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ./.

Chủ hàng (hoặc người đại diện)
(Ký, ghi rõ họ tên)**Người trả mẫu**
(Ký, ghi rõ họ tên)